TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 4 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Triều.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Hoàng Liêm;
2. Bà Võ Thị Tuyết Trinh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Dương Thị Thùy Trang, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong các ngày 26 tháng 3 và ngày 16 tháng 4 năm 2019; tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 276/2018/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2018; về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1980 *(Có mặt)*.
Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.
- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Bích L, sinh năm: 1982 *(Vắng mặt)*.
HKTT: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.
Chổ ở hiện nay: Ấp C, xã B, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp – hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Bích L sau thời gian quen biết, tự tìm hiểu tiến đến hôn nhân vào năm 2000, có đăng ký kết hôn vào ngày 31/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; việc kết hôn là tự nguyện, không bị cưỡng ép, lừa dối. Thời gian đầu chung sống với nhau anh chị có cuộc sống hạnh phúc; nhưng sau đó anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến với nhau thường xảy ra chuyện cải vã; đồng thời, chị L có mâu thuẫn với cha mẹ chồng nên không ở trong nhà được thường xuyên về nhà cha mẹ ruột sinh sống, không chăm lo gia đình bên chồng. Từ tháng 01/2017 đến nay, anh

chị sống ly thân mà không hàn gắn tình cảm lại được; chị L mang con về sinh sống nhà cha mẹ ruột tại ấp C, xã B, huyện Th; anh đã nhiều lần yêu cầu chị L về chung sống, nhưng chị L không thống nhất. Hiện nay, anh không còn tình cảm với chị L nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L theo quy định.

Về con chung: Anh và chị L có 01 con chung tên Nguyễn Thị B, sinh ngày 04/6/2004; hiện nay cháu B đang sống với chị L. Anh thống nhất giao cháu B cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, đến khi cháu B đủ 18 tuổi; anh thống nhất tự nguyện cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu B theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị L thống nhất tự thỏa thuận với nhau, không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai, biên bản phiên họp - hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Nguyễn Thị Bích L trình bày:* Chị và anh T quen biết, tự tìm hiểu và tổ chức đám cưới vào năm 2000, có đăng ký kết hôn vào ngày 31/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; việc kết hôn là tự nguyện, không bị cưỡng ép hay lừa dối. Thời gian đầu vợ chồng chung sống sống hạnh phúc; nhưng đến tháng 01/2017 giữa chị và mẹ anh T có nhiều mâu thuẫn xảy ra, dẫn đến việc mẹ anh T đuổi chị ra khỏi nhà; nên chị và con đến sinh sống tại nhà anh chồng được khoảng 05 tháng, thì mẹ anh T tiếp tục đuổi đi, nên chị và con về sinh sống nhà cha mẹ ruột tại ấp C, xã B, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp đến nay. Từ tháng 01/2017, chị sống ly thân nhưng vẫn liên lạc với anh T và anh T vẫn phụ giúp chị nuôi dưỡng cháu B. Nay anh T yêu cầu ly hôn thì chị không thống nhất do chị vẫn còn tình cảm, muốn được hàn gắn với anh T.

Về con chung: Anh chị có 01 người con chung tên Nguyễn Thị B, sinh ngày 04/6/2004; hiện nay cháu B đang sống với chị; hiện nay chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu B đến khi đủ 18 tuổi, chị yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu B theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh T thống nhất tự thỏa thuận với nhau, không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nội dung tranh chấp giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Bích L làm phát sinh "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình thụ lý giải quyết là đúng theo quy định pháp luật; về thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35, 36, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Bích L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa, nhưng chị L vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa; do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị L là phù hợp theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh T và chị L được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không bị cưỡng ép hoặc lừa dối; anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tại phiên tòa hôm nay anh T yêu cầu ly hôn với chị L, nhưng chị L đã có ý kiến không thống nhất ly hôn, nên làm phát sinh việc tranh chấp ly hôn theo quy định pháp luật.

Xét việc anh T và chị L ly thân từ tháng 01/2017 đến nay không có hàn gắn tình cảm lại được, nguyên nhân do anh chị bất đồng ý kiến với nhau và dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng phát sinh gay gắt, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; đồng thời, giữa chị L và cha mẹ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nên chị không thể tiếp tục sống tại nhà chồng được. Chị L trình bày hiện nay vẫn còn tình cảm với anh T nên không thống nhất ly hôn, nhưng thực tế kể từ ngày ly thân đến nay đã hơn 02 năm, chị vẫn không hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh T được, phải sống nhờ vào nhà cha mẹ ruột đến nay. Tại phiên tòa hôm nay, anh T xác định không còn tình cảm gì với chị L, nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn; do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T đối với chị L là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"*.

Vì vậy căn cứ vào quy định trên, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị L là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về con chung: Anh T thống nhất giao cháu Nguyễn Thị B cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, đến khi cháu B đủ 18 tuổi và thống nhất cấp dưỡng nuôi cháu B theo quy định pháp luật. Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu B đến khi cháu B đủ 18 tuổi và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu B theo quy định pháp luật.

Xét thấy, anh T và chị L đã thống nhất với nhau về việc giao cháu B cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu B đủ 18 tuổi; đồng thời, anh T thống nhất tự nguyện cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu B theo quy định, mỗi tháng bằng ½ mức lương cơ sở do Nhà nước quy định; thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh T và chị L là phù hợp theo quy định pháp luật.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị L thống nhất tự thỏa thuận với nhau, không có yêu cầu Tòa án giải quyết; nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết là phù hợp.

Anh T phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 36, 39, 227, 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5 và điểm a, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T đối với chị Nguyễn Thị Bích L.

- Về hôn nhân: Chấp yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T đối với chị Nguyễn Thị Bích L.

- Về con chung: Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Bích L; giao cho chị L được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị B, sinh ngày 04/6/2004, đến khi cháu B đủ 18 tuổi. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu B theo quy định, mỗi tháng bằng ½ (Một phần hai) mức lương cơ sở do Nhà nước quy định; thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 16/4/2019 cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị L không có yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng); được trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004449 ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp; anh T còn phải nộp thêm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

- Chị Nguyễn Thị Bích L không phải chịu tiền án phí ly hôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, trong hạn 15 ngày kể từ ngày hôm nay tuyên án. Riêng chị L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao (bản án) hoặc kể từ ngày Tòa niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS H. Thanh Bình;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng và hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Thành Triều